tTÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2024/DS-PT
Ngày: 29 - 11 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Trương Tố Hương

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 214/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hứa Thị Hồng T, sinh năm 2002; địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Hứa Thị Hồng T trình bày:

Vào năm 2019, bà T có cho mẹ chồng là bà Nguyễn Thị H mượn tiền và vàng nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể thời gian, tổng số tiền và vàng bà H đã

mượn của bà T là 10,5 chỉ vàng 24k và số tiền mặt là 5.000.000 đồng, lúc mượn hai bên không có làm giấy cũng không có người chứng kiến, thỏa thuận 03 tháng sau sẽ trả đủ số vàng và tiền cho bà T.

Đến khoảng cuối năm 2020, bà H đã trả cho bà T tổng cộng 05 chỉ vàng 24k, còn lại 5,5 chỉ vàng 24k và số tiền mặt là 5.000.000 đồng, đến nay bà H vẫn chưa trả cho bà T, bà T nhiều lần yêu cầu bà H trả nhưng bà H vẫn không đồng ý trả.

Bà Hứa Thị Hồng T yêu cầu Tòa án giải quyết. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà T 5,5 chỉ vàng 24k tương đương số tiền 29.645.000 đồng và số tiền mặt là 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 34.645.000 đồng (Ba mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- *Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn 02 (Hai) lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 357, Điều 468 và Điều 494 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ khoản 4 Điều 19 của Nghị định số: 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng; căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hứa Thị Hồng T. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Hứa Thị Hồng T 5,5 chỉ (Năm chỉ rưỡi) vàng 24k. Quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử vụ án là 7.310.000 đồng/01 chỉ vàng 24k (Bảy triệu ba trăm mười nghìn đồng) và 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/8/2024, bị đơn bà H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ

thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú nhận cùng ngày. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà H không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng: Năm 2019 bà có vay mượn của bà T 10,5 chỉ vàng 24k và số tiền 5.000.000 đồng, nhưng bà đã trả rồi không còn thiếu bà T nữa, trả không có làm biên nhận và cũng không có người ngoài chứng kiến. Do đó, bà H đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà trả 5,5 chỉ vàng 24k và số tiền 5.000.000 đồng. Các đương sự không có sự thỏa thuận nào liên quan đến việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn bà Hứa Thị Hồng T vắng mặt không rõ lý do; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn bà H là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Tại Biên bản hòa giải ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú (BL số 69) và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà H xác định: Vào năm 2019, bà H có vay (mượn) của bà T 10,5 chỉ vàng 24k và số tiền mặt 5.000.000 đồng, lúc vay mượn hai bên không có làm biên nhận, không ai chứng kiến. Việc bà H thừa nhận có vay mượn vàng và tiền của bà T như vừa nêu, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà H về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà trả 5,5 chỉ vàng 24k và số tiền 5.000.000 đồng. Xét thấy:

[4.1] Việc bà T cho rằng vào năm 2019 có cho bà H vay mượn 10,5 chỉ vàng 24k và số tiền 5.000.000 đồng, tuy không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến, nhưng được bà H thừa nhận. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở xác định bà H có vay mượn của bà T số tiền và vàng như vừa nêu trên.

[4.2] Quá trình tham gia tố tụng bà T thừa nhận bà H có trả được 05 chỉ vàng 24k, còn thiếu lại 5,5 chỉ vàng 24k và số tiền 5.000.000 đồng. Còn bà H thì cho rằng đến năm 2020 bà đã trả đủ cho bà T 10,5 chỉ vàng 24k và số tiền 5.000.000 đồng, khi trả không có làm biên nhận và cũng không có người ngoài chứng kiến (BL số 69) và được bà H xác định tại phiên tòa. Ngoài lời trình bày ra, thì bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả đủ vàng và tiền cho bà T. Do đó, HĐXX cấp sơ thẩm xác định bà H còn thiếu bà T 5,5 chỉ vàng 24k và số tiền 5.000.000 đồng, để buộc bà H trả cho bà T vàng và tiền như vừa nêu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.3] Từ những nhận định như đã nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm buộc trả vàng và quy đổi ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 7.310.000 đồng, nhưng chưa nhân với số vàng buộc trả thành số tiền cụ thể là bao nhiêu, nên HĐXX cần bổ sung cho đầy đủ, như sau: 5,5 chỉ vàng 24k x 7.310.000 đồng/chỉ = 40.205.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà H và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hứa Thị Hồng T. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Hứa Thị Hồng T 5,5 chỉ vàng 24k, quy đổi ra tiền Việt Nam đồng là 40.205.000 đồng và số tiền 5.000.000 đồng; tổng cộng 45.205.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu hai trăm linh năm nghìn đồng).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hứa Thị Hồng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Hứa Thị Hồng T số tiền 865.000 đồng (Tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003506 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.260.250 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005743 ngày 13/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Nguyễn Thị H đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn